Sơn và vecni – Sơn tường dạng nhũ tương- Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi - Yêu cầu kỹ thuật

Paint and varnishes – Emulsion paints- Volatile Organic Compound (VOC) content- Specification

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) đối với sơn tường dạng nhũ tương ở trạng thái sẵn sàng để sử dụng, bao gồm sơn phủ và sơn lót dùng để trang trí, bảo vệ mặt tường trong và ngoài các công trình xây dựng.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn có ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 10370-1 (ISO 11890-1), *Sơn và véc ni- Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi- Phần 1: Phương pháp hiệu số;*

TCVN 10370-2 (ISO 11890-2), *Sơn và véc ni- Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi- Phần 2: Phương pháp sắc ký khí.*

TCVN 10369 (ISO 17895), *Sơn và véc ni- Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) trong sơn nhũ tương có hàm lượng VOC thấp.*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1 Sơn tường dạng nhũ tương (Wall emulsion paints*)*

Sản phẩm sơn nhũ tương nhựa tổng hợp dạng dung dịch, được làm từ nguyên liệu chính là nhũ tương nhựa tổng hợp và bột màu

3.2 Sơn phủ dạng nhũ tương (Emulsion paint)

Sơn phủ dạng nhũ tương được sử dụng làm lớp phủ trong và ngoài nhà trên các bề mặt tường đã được chuẩn bị sẵn.

3.3 Sơn lót dạng nhũ tương (Emulsion primers)

Sơn lót dạng nhũ tương được sử dụng làm lớp lót trong và ngoài nhà trên các bề mặt tường đã được chuẩn bị sẵn.

3.4 Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) (Volatile organic compound)

Chất hữu cơ ở dạng rắn và/hoặc lỏng có thể bay hơi tự nhiên khi tiếp xúc với áp suất không khí tại nhiệt độ thường.

CHÚ THÍCH 1: Khi sử dụng thuật ngữ VOC trong lĩnh vực vật liệu phủ, được hiểu là hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi (hàm lượng VOC).

CHÚ THÍCH 2: Thuật ngữ VOC là những hợp chất hữu cơ dễ bay hơi có điểm sôi không lớn hơn 250 ^{o}C, dưới điều kiện áp suất 101,3 kPa.

3.5 Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (Volatile organic compound content)

Khối lượng của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi có trong sơn tường dạng nhũ tương ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, tính bằng gam/lít (g/L)

3.6 Trạng thái sẵn sàng để sử dụng (Ready for use)

Trạng thái sản phẩm khi được trộn theo đúng tỉ lệ hướng dẫn của nhà sản xuất và được pha loãng (nếu cần) bằng các chất làm loãng thích hợp để sản phẩm sẵn sàng cho thi công theo phương pháp đã được chấp nhận.

4 Yêu cầu kỹ thuật

Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi của sơn tường dạng nhũ tương được qui định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi

Tên chỉ tiêu	Mức	
	Sơn phủ	Sơn lót
1. Hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), g/L, không lớn hơn	50	50

5. Phương pháp thử

Xác định hàm lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi theo TCVN 10370-1 (ISO 11890-1) hoặc TCVN 10370-2 (ISO 11890-2) hoặc TCVN 10369 (ISO 17895).

6 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển

6.1 Bao gói

Sơn tường dạng nhũ tương được đóng trong thùng kín, bao bì được làm bằng vật liệu sao cho không ảnh hưởng đến chất lượng của sơn.

6.2 Ghi nhãn

Ghi nhãn theo qui định hiện hành với nội dung sau:

a) tên sản phẩm, kí hiệu;

b) tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;

c) kí hiệu và số hiệu tiêu chuẩn của sản phẩm;

d) số hiệu lô hàng;

e) thể tích thực hoặc khối lượng tịnh;

f) ngày tháng năm sản xuất, hạn sử dụng;

g) hướng dẫn sử dụng.

Các nội dung ghi nhãn nêu trên được in dán hoặc in trực tiếp lên bao bì sản phẩm.

6.3 Bảo quản

Sơn được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và tránh xa nguồn lửa.

6.4 Vận chuyển

Sơn được vận chuyển trên các phương tiện không gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] TCVN 8653:2020, Sơn tường dạng nhũ tương – Yêu cầu kỹ thuật

[2] SS 150:2015, Specification for emulsion paint for decorative purposes

[3] SS 150:2015, Specification for water-based sealer for interior and exterior uses